

## Tạo 45 câu trắc nghiệm môn toán 10 tập hợp

**Câu 1** Cho tập hợp  $A = \{1; 2; 3\}$ . Số tập con của  $A$  là:

A. 3

B. 6

C. 8

D. 9

**Câu 2** Cho tập hợp  $A = \{x \in \mathbb{N} \mid x < 5\}$ . Tập  $A$  được viết dưới dạng liệt kê là:

A.  $\{0; 1; 2; 3; 4\}$

B.  $\{1; 2; 3; 4\}$

C.  $\{0; 1; 2; 3; 4; 5\}$

D.  $\{1; 2; 3; 4; 5\}$

**Câu 3** Cho  $A = \{1; 2; 3\}$ ,  $B = \{2; 3; 4\}$ . Tập  $A \cup B$  là:

A.  $\{1; 2; 3; 4\}$

B.  $\{2; 3\}$

C.  $\{1; 4\}$

D.  $\{1; 2; 3\}$

**Câu 4** Cho  $A = \{1; 2; 3\}$ ,  $B = \{2; 3; 4\}$ . Tập  $A \cap B$  là:

A.  $\{1; 4\}$

B.  $\{2; 3\}$

C.  $\{1; 2; 3; 4\}$

D.  $\{3; 4\}$

**Câu 5** Cho  $A = \{1; 2; 3\}$ ,  $B = \{2; 3; 4\}$ . Tập  $A \setminus B$  là:

A.  $\{1\}$

B.  $\{4\}$

C.  $\{1; 2; 3\}$

D.  $\{2; 3\}$

**Câu 6** Cho  $A = \{1; 2; 3\}$ ,  $B = \{2; 3; 4\}$ . Tập  $B \setminus A$  là:

A.  $\{1\}$

B.  $\{4\}$

C.  $\{1; 4\}$

D.  $\{2; 3\}$

**Câu 7** Cho tập  $A = \{x \in \mathbb{R} \mid -2 < x \leq 3\}$ . Tập  $A$  là:

A.  $(-2; 3]$

B.  $[-2; 3]$

C.  $(-2; 3)$

D.  $[-2; 3)$

**Câu 8** Cho  $A = [1; 4]$ ,  $B = (2; 5)$ . Tập  $A \cap B$  là:

A.  $(2; 4]$

B.  $[2; 4]$

C.  $(2; 4)$

D.  $[1; 5)$

**Câu 9** Cho  $A = [1; 4]$ ,  $B = (2; 5)$ . Tập  $A \cup B$  là:

A.  $[1; 5)$

B.  $(1; 5)$

C.  $[1; 5]$

D.  $(2; 4]$

**Câu 10** Cho  $A = [1; 4]$ ,  $B = (2; 5)$ . Tập  $A \setminus B$  là:

A.  $[1; 2]$

B.  $[1; 2)$

C.  $(2; 4]$

D.  $[1; 4]$

**Câu 11** Cho  $A = [1; 4]$ ,  $B = (2; 5)$ . Tập  $B \setminus A$  là:

A.  $(4; 5)$

B.  $(4; 5]$

C.  $[4; 5)$

D.  $(2; 4]$

**Câu 12** Cho  $A = (-\infty; 3)$ ,  $B = [1; +\infty)$ . Tập  $A \cap B$  là:

A.  $[1; 3)$

B.  $(1; 3)$

C.  $[1; 3]$

D.  $(1; 3]$

**Câu 13** Cho  $A = (-\infty; 3)$ ,  $B = [1; +\infty)$ . Tập  $A \cup B$  là:

A.  $\mathbb{R}$

B.  $(1; 3)$

C.  $[1; 3)$

D.  $\emptyset$

**Câu 14** Phần bù của tập  $A = (-2; 5]$  trong  $\mathbb{R}$  là:

A.  $(-\infty; -2] \cup (5; +\infty)$

B.  $(-\infty; -2) \cup [5; +\infty)$

C.  $(-\infty; -2] \cup [5; +\infty)$

D.  $(-\infty; -2) \cup (5; +\infty)$

**Câu 15** Cho  $A = \{1; 2; 3; 4; 5\}$ ,  $B = \{2; 4; 6; 8\}$ . Số phần tử của tập  $A \cup B$  là:

A. 7

B. 8

C. 9

D. 6

**Câu 16** Cho  $A = \{1; 2; 3; 4; 5\}$ ,  $B = \{2; 4; 6; 8\}$ . Số phần tử của tập  $A \cap B$  là:

A. 2

B. 3

C. 4

D. 1

**Câu 17** Cho tập hợp  $A$  có 4 phần tử. Số tập con của  $A$  là:

A. 8

B. 16

C. 4

D. 32

**Câu 18** Cho tập hợp  $A$  có 4 phần tử. Số tập con khác rỗng của  $A$  là:

A. 15

B. 16

C. 14

D. 8

**Câu 19** Cho tập  $A = \{a; b; c\}$ . Số tập con có đúng 2 phần tử của  $A$  là:

A. 3

B. 4

C. 6

D. 8

**Câu 20** Cho  $A = \{0; 1; 2\}$ ,  $B = \{1; 2; 3\}$ . Khẳng định nào sau đây đúng?

A.  $A \cap B = \{1; 2\}$

B.  $A \subset B$

C.  $B \subset A$

D.  $A \cup B = \{1; 2\}$

**Câu 21** Cho tập  $A = \{x \in \mathbb{Z} \mid -2 \leq x < 3\}$ . Tập  $A$  là:

A.  $\{-2; -1; 0; 1; 2\}$

B.  $\{-2; -1; 0; 1; 2; 3\}$

C.  $\{-1; 0; 1; 2\}$

D.  $\{-2; -1; 0; 1\}$

**Câu 22** Cho tập  $A = \{x \in \mathbb{N}^* \mid x \leq 4\}$ . Tập  $A$  là:

A.  $\{1; 2; 3; 4\}$

B.  $\{0; 1; 2; 3; 4\}$

C.  $\{1; 2; 3\}$

D.  $\{0; 1; 2; 3\}$

**Câu 23** Cho  $A = \{1; 2\}$ ,  $B = \{1; 2; 3\}$ . Khẳng định nào sau đây đúng?

A.  $A \subset B$

B.  $B \subset A$

C.  $A = B$

D.  $A \cap B = \emptyset$

**Câu 24** Khẳng định nào sau đây đúng?

A.  $\emptyset \subset A$  với mọi tập hợp  $A$

B.  $\emptyset \in A$  với mọi tập hợp  $A$

C.  $A \subset \emptyset$  với mọi tập hợp  $A$

D.  $\emptyset = \{0\}$

**Câu 25** Cho  $A = \{1; 2; 3\}$ ,  $B = \{2; 3; 4; 5\}$ . Tập  $A \setminus B$  là:

A.  $\{1\}$

B.  $\{4; 5\}$

C.  $\{1; 4; 5\}$

D.  $\{2; 3\}$

**Câu 26** Cho  $A = \{1; 2; 3\}$ ,  $B = \{2; 3; 4; 5\}$ . Tập  $B \setminus A$  là:

A.  $\{4; 5\}$

B.  $\{1\}$

C.  $\{1; 4; 5\}$

D.  $\{2; 3\}$

**Câu 27** Cho  $A = \{1; 2; 3\}$ ,  $B = \{2; 3; 4; 5\}$ . Tập  $A \cup B$  là:

A.  $\{1; 2; 3; 4; 5\}$

B.  $\{2; 3\}$

C.  $\{1; 4; 5\}$

D.  $\{1; 2; 3\}$

**Câu 28** Cho  $A = \{1; 2; 3\}$ ,  $B = \{2; 3; 4; 5\}$ . Tập  $A \cap B$  là:

A.  $\{2; 3\}$

B.  $\{1; 4; 5\}$

C.  $\{1; 2; 3; 4; 5\}$

D.  $\{4; 5\}$

**Câu 29** Cho tập  $A = \{x \in \mathbb{R} \mid x^2 - 4 = 0\}$ . Tập  $A$  là:

A.  $\{-2; 2\}$

B.  $\{2\}$

C.  $\{-2\}$

D.  $\emptyset$

**Câu 30** Cho tập  $A = \{x \in \mathbb{R} \mid x^2 + 1 = 0\}$ . Tập  $A$  là:

A.  $\emptyset$

B.  $\{0\}$

C.  $\{-1; 1\}$

D.  $\{1\}$

**Câu 31** Cho tập  $A = \{x \in \mathbb{N} \mid x \text{ là ước của } 6\}$ . Tập  $A$  là:

A.  $\{1; 2; 3; 6\}$

B.  $\{1; 2; 3\}$

C.  $\{1; 2; 3; 6; -1; -2; -3; -6\}$

D.  $\{0; 1; 2; 3; 6\}$

**Câu 32** Cho tập  $A = \{x \in \mathbb{Z} \mid |x| \leq 2\}$ . Tập  $A$  là:

A.  $\{-2; -1; 0; 1; 2\}$

B.  $\{-1; 0; 1\}$

C.  $\{-2; -1; 0; 1\}$

D.  $\{-2; -1; 1; 2\}$

**Câu 33** Cho tập  $A = \{x \in \mathbb{R} \mid |x| < 3\}$ . Tập  $A$  là:

A.  $(-3; 3)$

B.  $[-3; 3]$

C.  $(-3; 3]$

D.  $[-3; 3)$

**Câu 34** Cho  $A = [-2; 3]$ ,  $B = (0; 4)$ . Tập  $A \cap B$  là:

A.  $(0; 3]$

B.  $[0; 3]$

C.  $(0; 3)$

D.  $[-2; 4)$

**Câu 35** Cho  $A = [-2; 3]$ ,  $B = (0; 4)$ . Tập  $A \cup B$  là:

A.  $[-2; 4)$

B.  $(-2; 4)$

C.  $[-2; 4]$

D.  $(0; 3]$

**Câu 36** Cho  $A = [-2; 3]$ ,  $B = (0; 4)$ . Tập  $A \setminus B$  là:

A.  $[-2; 0]$

B.  $[-2; 0)$

C.  $(0; 3]$

D.  $[-2; 3]$

**Câu 37** Cho  $A = [-2; 3]$ ,  $B = (0; 4)$ . Tập  $B \setminus A$  là:

A.  $(3; 4)$

B.  $(3; 4]$

C.  $[3; 4)$

D.  $(0; 3]$

**Câu 38** Cho  $A = (-\infty; 2]$ ,  $B = (0; +\infty)$ . Tập  $A \cap B$  là:

A.  $(0; 2]$

B.  $[0; 2]$

C.  $(0; 2)$

D.  $(-\infty; +\infty)$

**Câu 39** Cho  $A = (-\infty; 2]$ ,  $B = (0; +\infty)$ . Tập  $A \cup B$  là:

A.  $\mathbb{R}$

B.  $(0; 2]$

C.  $(-\infty; 0]$

D.  $\emptyset$

**Câu 40** Cho  $A = (-\infty; 2]$ ,  $B = (0; +\infty)$ . Tập  $A \setminus B$  là:

A.  $(-\infty; 0]$

B.  $(-\infty; 0)$

C.  $(0; 2]$

D.  $(-\infty; 2]$

**Câu 41** Cho tập  $A = \{1; 2; 3; 4; 5\}$ . Số tập con có ít nhất 3 phần tử của  $A$  là:

A. 16

B. 10

C. 15

D. 20

**Câu 42** Cho  $A = \{1; 2; 3\}$ ,  $B = \{3; 4\}$ . Tập  $(A \cup B) \setminus (A \cap B)$  là:

A.  $\{1; 2; 4\}$

B.  $\{3\}$

C.  $\{1; 2; 3; 4\}$

D.  $\{1; 2\}$

**Câu 43** Cho tập  $A$  có 5 phần tử. Số tập con của  $A$  là:

A. 32

B. 25

C. 10

D. 16

**Câu 44** Cho  $A = \{1; 2; 3; 4\}$ . Số tập con của  $A$  chứa cả hai phần tử 1 và 2 là:

A. 4

B. 2

C. 8

D. 6

**Câu 45** Cho  $A = \{1; 2; 3; 4\}$ . Số tập con của  $A$  không chứa phần tử 1 và 2 là:

A. 4

B. 2

C. 8

D. 6

---

Muốn tự tạo bài trắc nghiệm như thế này?



Quét QR hoặc truy cập: **diemdanh.app/tao-bai-trac-nghiem**

**diemdanh.app**